

Đạo đức công vụ của quan lại thời Minh Mệnh trong lĩnh vực tố tụng

Phạm Thị Thu Hiền¹

¹ Trường Đại học Luật Hà Nội.
Email: hienptt.dhl@gmail.com

Nhận ngày 9 tháng 12 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 18 tháng 1 năm 2021.

Tóm tắt: Quan lại là rường cột của bộ máy hành chính nhà nước, có vai trò giúp nhà vua hoạch định chính sách và chăm nuôi dân chúng. Những tư vấn chính sự của họ góp phần quyết định sự thịnh đạt và suy vong của đất nước. Do đó, vua Minh Mệnh luôn dành sự quan tâm đến việc sử dụng và luôn đề cao bốn phẩm “tu thân” và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với quan lại nói chung và quan lại làm việc trong lĩnh vực tố tụng nói riêng. Các quy định của nhà vua đối với quan lại trong lĩnh vực tố tụng đều hướng đến việc đảm bảo sự công bằng, khách quan trong xét xử và trong đạo đức nghề nghiệp của người bề tôi.

Từ khoá: Quan lại, Minh Mệnh, tố tụng, đạo đức, công vụ.

Phân loại ngành: Luật học

Abstract: Mandarins were the backbone of the state administrative apparatus, playing the role of helping the king in policy making and in taking care of the people. Their counselling on political affairs contributed to deciding whether the country would develop prosperously or fall into decline and collapse. Therefore, King Minh Menh always paid attention to using them, and always attached importance to the duty of "self-improvement" and professional ethical standards of mandarins in general and those working in the field of court judgement in particular. The king's regulations on the latter were all aimed at ensuring fairness and objectivity in trials and in his subjects' professional ethics.

Keywords: Mandarins, King Minh Menh, court judgement, ethics, public service.

Subject classification: Jurisprudence

1. Mở đầu

Ngay từ thời kỳ phong kiến, các vị vua Việt Nam nói chung và vua Minh Mệnh nói

riêng đã có sự quan tâm đến đội ngũ quan lại và xây dựng đạo đức công vụ. Bản thân mỗi quan lại cần tuân theo những quy tắc ứng xử, đạo đức đối với nhà vua, công việc,

dân, đồng liêu và làm tròn bốn phận tu thân. Tuy nhiên, trong mỗi lĩnh vực quản lý, công việc, đội ngũ quan lại cần có thêm những đạo đức công vụ đặc thù.

Tổ tụng thời phong kiến chưa có sự phân định rõ ràng nhưng khảo trong chính sử và bộ *Hoàng Việt luật lệ* triều Nguyễn, có thể nhận thấy mức độ quan tâm của các vị vua triều Nguyễn nói chung và vua Minh Mệnh nói riêng về vấn đề này. Với việc đảm bảo duy trì nền hành chính trong sạch và hạn chế những tiêu cực trong đội ngũ quan lại, vua Minh Mệnh trong các đạo dụ của mình và bộ *Hoàng Việt luật lệ* đã thể hiện rõ quy định ứng xử của quan lại xét xử trong công việc, bao gồm: với chức trách được giao, mối quan hệ với đồng liêu, người đi kiện và bản thân. Những quy định đó của vua Minh Mệnh về đạo đức của quan lại trong tổ tụng đã có những giá trị nhất định trong việc quản lý đội ngũ quan lại, góp phần duy trì, ổn định bộ máy hành chính nhà nước. Bài viết² bàn về đạo đức công vụ của quan lại thời Minh Mệnh trong lĩnh vực tổ tụng, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm trong việc xây dựng đạo đức công vụ.

2. Khái quát hệ thống quan lại và đặc điểm tổ tụng thời vua Minh Mệnh

Năm 1820, Minh Mệnh lên ngôi Vua và từng bước cải tổ bộ máy nhà nước, xây dựng nhà nước quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền. Để vận hành bộ máy đó, nhà vua thực hiện chính sách “chiêu hiền đãi sĩ” xây dựng đội ngũ quan lại có tôn ty trật tự, có kỹ năng làm việc để giúp vua hoạch định chính sách và chăm lo muôn dân. Đội ngũ quan lại đó được tuyển chọn bằng nhiều phương thức khác nhau như

nhiệm tử, đề cử và khoa cử, trong đó, khoa cử được coi là phương thức tuyển chọn chủ yếu. Theo thống kê, từ năm 1820 đến năm 1840, riêng đối với khoa cử, thời vua Minh Mệnh đã mở được 8 kỳ thi Hương với 726 người đỗ và sử dụng 559 người; 5 kỳ thi Hội, 57 người đỗ trúng cách và 20 Phó bảng; 5 kỳ thi Đình với 48 tiến sĩ [1]. Dù được tuyển chọn bằng phương thức nào, quan lại khi gia nhập quan trường cần đảm bảo đủ tài năng và đạo đức. Quan lại trong bộ máy nhà nước dưới thời vua Minh Mệnh được sắp xếp dựa trên các nguyên tắc: một là, đội ngũ quan lại được sắp xếp căn cứ vào bằng cấp, ân trạch của cha ông; hai là, trên cơ sở đặc thù công việc, triều đình có sự bổ dụng quan lại ở vị trí, số lượng phù hợp và thường xuyên đổi bổ; ba là, khi tham gia dự thi và gia nhập quan trường, quan lại cần thực hiện kê khai lí lịch và tập sự để làm cơ sở thuyên chuyển, bổ nhiệm và quản lý hiệu quả; bốn là, từ năm 1821 đến năm 1840, vua Minh Mệnh đã đặt ra lệ Hôi ty và quan lại cần tuân theo nhằm củng cố thiết chế trung ương tập quyền, đảm bảo khách quan trong quá trình bổ dụng, hạn chế nạn kéo bè kết đảng giữa quan lại cũng như quan lại với các thế lực địa phương hoặc những người trong dòng họ lẫn nhau và phòng ngừa “vấn nạn” tham nhũng. Quan lại thời vua Minh Mệnh cũng như các triều đại phong kiến trước luôn nhận được đãi ngộ toàn diện cả về vật chất lẫn tinh thần, trước và sau khi gia nhập quan trường, đối với bản thân và thân thuộc của quan lại. Với nguyên tắc “đãi ngộ tương xứng với nghĩa vụ”, do đó, quan lại trong quá trình thực thi công vụ cần được đánh giá, giám sát. Vua Minh Mệnh cũng như các vị vua phong kiến khác không chỉ căn cứ vào năng lực, tài năng và mức độ hoàn thành

công việc để đánh giá quan lại mà còn quan tâm đến sự tu rèn đạo đức của quan lại. Với mỗi lĩnh vực đảm nhận, quan lại cần có những đạo đức nhất định, đó là đạo đức trong công việc (đối với vua, với dân, với đồng僚) và đạo đức đối với chính bản thân. Để đảm bảo điều đó, nhà vua đã ban hành các chính sách về giám sát, khảo xét quan lại từ trung ương đến địa phương và sử dụng bộ *Hoàng Việt luật lệ* để điều chỉnh các vấn đề liên quan.

Thời phong kiến, với quan điểm “tôn quân quyền” của Nho giáo, quyền lực của nhà nước là thống nhất, đại diện là nhà vua. Vì lẽ đó, hệ thống pháp luật chưa có sự phân định thành các ngành luật như hiện nay và trong tổ tụng cũng chưa có sự phân định rạch ròi. Tuy nhiên, khảo trong *Hoàng Việt luật lệ* và các quy định trong chính sử có thể nhận thấy, vua Minh Mệnh cũng khá lưu tâm đến vấn đề tố tụng. Pháp luật tố tụng không chỉ quy định quyền, nghĩa vụ các chủ thể tham gia tố tụng mà còn quy định khá rõ quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm, đạo đức của quan lại tham gia tố tụng. Thông qua các quy định của nhà vua và pháp luật tố tụng thời phong kiến, có thể nhận thấy pháp luật tố tụng thời kỳ này có những nét nổi bật sau:

Mô hình nhà nước phong kiến dưới thời vua Minh Mệnh được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc “tôn quân quyền” của Nho giáo. Vì vậy, các cơ quan trong bộ máy nhà nước ở Trung ương hay chính quyền địa phương không có sự phân chia rạch ròi về thẩm quyền, chức năng. Hầu hết các cơ quan tiến hành tố tụng trong bộ máy nhà nước đều là cơ quan hành chính như Bộ, Nội các hoặc chuyên môn như Đại lý tự, Đô sát viện...

Xét xử được thực hiện qua các cấp xét xử theo đơn vị hành chính, lãnh thổ - từ các

cấp chính quyền địa phương lên triều đình Trung ương. Ví dụ, ở Kinh đô thì Phủ doãn, các cơ quan ở Trung ương được quyền tham gia xét xử, gồm: Đô sát viện, Lục bộ, Đại lý tự...; hay ở địa phương bao gồm cấp huyện, phủ, tỉnh.

Thẩm quyền xét xử căn cứ và bao hàm các yếu tố sau đây: *một là*, theo đơn vị hành chính lãnh thổ thì từ các cấp địa phương đến triều đình có thẩm quyền xét xử. Riêng triều đình Trung ương, thẩm quyền xét xử của các cơ quan được phân định theo lĩnh vực của từng cơ quan cai quản...; *hai là*, phân loại vụ việc: *Hoàng Việt luật lệ* phân các vụ việc thành các loại tội. Trên cơ sở phân loại vụ việc đó mà phân định thẩm quyền về vụ việc của các cấp xét xử.

Tất cả các khâu trong quá trình tiến hành tố tụng mà được luật thời nay gọi là khởi tố, điều tra (bắt người, khám nghiệm, tra hỏi...), xử án, thi hành án, đều do quan xử án đảm trách và đương nhiên có các lại viên trợ giúp. Trong luật thời đó, khái niệm xử án (xét xử) là bao hàm tất cả các khâu trong quá trình tiến hành tố tụng.

3. Đạo đức công vụ của quan lại trong tố tụng thời Minh Mệnh

3.1. Pháp luật của triều Nguyễn về đạo đức công vụ của quan lại trong tố tụng

Xuất phát từ đặc điểm tố tụng thời phong kiến, quan lại ở trung ương và các quan cai quản ở địa phương sẽ tham gia hầu hết các khâu trong quá trình tố tụng. Do đó, quan lại khi đảm nhận công việc này cần có đạo đức nghề nghiệp, hoàn thành chức trách của mình kể từ thời điểm nhận thụ lý vụ việc; đồng thời cần có sự phối hợp với

nhau để giải quyết các vụ việc. Khảo trong chính sử và *Hoàng Việt luật lệ*, quan lại trong quá trình tố tụng cần có những chức trách và đạo đức sau:

Xử lý đơn kiện và thụ lý vụ việc: Trên cơ sở sự phân cấp hành chính cũng như thẩm quyền xét xử, khi có đơn kiện, quan lại cần tiếp nhận và thụ lý vụ việc theo đúng thẩm quyền. Đối với Lý trưởng, các việc nhỏ như lãng mạ, tiền nợ và đánh nhau, bị thương nhẹ được phép thụ lý và phân xử bằng miệng. Quy định trên cho thấy Lý trưởng đóng vai trò như là một người hòa giải và cấp xã là cấp hòa giải trực tiếp. Nếu không phân xử được thì cho phép huyện quan và phủ quan tiếp nhận đơn kiện của dân. **Ở phủ Thừa Thiên, Phủ doãn được** quyền thụ lý các vụ việc kiện tụng về đánh nhau, giết cướp, trộm cắp ở Kinh thành. Bên cạnh đó, bằng việc đặt trống Đăng văn, hay cử quan Kinh lược sứ đến các vùng đã cho phép quan Kinh lược đại sứ và Tam pháp ty nhận, Hội đồng đình thần thụ lý đơn kiện của dân.

Trong trường hợp có việc tố cáo lẫn nhau và đơn kiện phủ, huyện thì Đốc, Phủ, Bố, Án được quyền tra xét phân xử. Còn đơn kiện ty Bố chính hay ty Án sát, việc thuộc riêng từng ty thì Tổng đốc và Tuần phủ ở tỉnh hạt ấy được quyền xét xử. Nếu có đơn kiện cả hai ty mà tình lý khó khăn, sự việc có quan hệ đến tang vật hồi lộ thì Đốc, Phủ kiêm Hạt hay Đốc, Phủ hạt khác được quyền xét xử và một viên quan ở Tam pháp ty tra xử [1, t.4, tr.722]. Mặt khác, khi thụ lý đơn kiện, quan lại cần chú ý tuân lệ Hồi ty để đảm bảo khách quan trong quá trình tố tụng. Vua Minh Mệnh quy định, quan lại có quan hệ với người kiện tụng, như họ hàng thân thuộc, thông gia với nhau, thầy thụ nghiệp cũ hoặc trước đó có thù hằn

hiềm khích thì đều cho đưa công văn xin hồi ty [4, tr.806].

Tiến hành điều tra, xét xử: Khi thụ lý vụ việc, theo quy định, các quan chức có thẩm quyền xét xử có nghĩa vụ chia giao cho bọn lại dịch thừa hành để cho chuyên trách. Đồng thời quy định rõ việc hỏi tội, lấy cung, làm án, thì là phận sự của lại điển [1, t.4, tr.848]. Trong quá trình điều tra, xét xử, quan lại cần có thái độ nghiêm túc, cẩn trọng. Nếu để xảy ra sai sót thì sẽ bị áp dụng hình phạt nhất định.

Trong việc truy bắt kẻ có tội, điều 1 chương *Truy bắt kẻ chạy trốn* q.XVIII quy định: quan lại được giao trách nhiệm đi bắt người có tội phải hoàn thành nghĩa vụ, không được kiếm cớ thoái thác việc hoặc chần chừ không đi. Nếu vi phạm, xử tội theo tội nhân giảm 1 mức bởi hành động đó là “lười biếng, chậm chạp và có tội cố ý buông tha” [4, tr.896].

Trong việc khám nghiệm tử thi, theo điều 4 chương *Đoán ngục* q.XX, quan ti khi nhận được điệp văn gửi đến khám nghiệm tử thi, nếu mượn cớ chần chừ không khám để thi thể biến dạng hoặc không dụng tâm xem xét làm thay đổi thương tích..., thì chính quan phạt 60 trượng, quan thủ lãnh cùng tham gia khám nghiệm phạt 70 trượng, Lại điển 80 trượng [4, tr.964]. Quy định trên cho thấy, quan lại ở hai ty cấp tỉnh (ty Án sát và ty Bố chính) là Bố chính và Án sát có quyền và nghĩa vụ thực hiện công việc khám nghiệm tử thi.

Đối với việc hỏi cung: khi các phạm nhân được đưa đến thẩm cứu, quan phủ huyện phải tự thân tra xét; phải ghi rõ ngày lấy cung và ghi chép thật cô đọng lời cung của phạm nhân [1, t.4, tr.299-230]. Quy định trên cho thấy, quan phủ huyện sau khi

tiếp nhận đơn kiện thì được tiến hành điều tra xét hỏi phạm nhân.

Đồng thời, trong xét hỏi, các quan lại có thẩm quyền xét xử cần lấy lòng trông không mà xét hỏi để phân biệt người tốt người xấu, cần dựa theo cáo trạng để xét hỏi [4, tr.939]; nếu giặc cướp cung xưng ra người liên can thì quan xét xử cần hỏi kỹ hai ba lần, tình hoặc còn ngờ thì cũng nên chước lượng, cho người bảo lãnh để đợi xét dừng để cho người ta phải đã luy, cho xứng với ý cẩn thận việc hình của trẫm [1, t.2, tr.697].

Bên cạnh đó, trong xét xử, quan lại cần tuân theo trình tự xét xử [4, tr.960]. Khi định tội và xét tội cần dẫn luật [4, tr.964, 971], nếu trái phạt 30 roi. Nếu luật có viện dẫn nhiều việc cùng trong 1 điều thì chỉ dẫn điều luật thuộc về tội đã phạm. Trong trường hợp do có chỉ thị đặc biệt của nhà vua mà tạm thời xét tội xử không theo luật định thì được dẫn tỉ việc đó làm luật [4, tr.971]. Đồng thời, quan lại không được câu kết bè đảng trong xét xử. Nếu bộ Hình và quan lại lớn nhỏ ở các nha môn bất chấp pháp luật, nghe lời cấp trên (gian thần), chủ tâm thêm bớt tội người thì tất cả bè đảng quan viên đều bị chém, vợ con bị bắt làm nô tỳ, tài sản sung công [4, tr.373].

Ngoài ra, điều 4 chương *Truy bắt kẻ chạy trốn* q.XVIII quy định: trong lúc áp giải tù nhân bị tội đồ, đầy, sung quân đến nơi chịu tội thì chủ thủ nơi chịu tội và người áp giải vô tình để mất thì cứ mỗi phạm nhân phạt 60 trượng. Điều 6 q.XVIII chương *Truy bắt kẻ chạy trốn* quy định: phạm ngục tốt không biết để mất tù thì phải chịu tội nguyên phạm của tù. Quan đề lao không tự mình đi trông nom xem xét tù nhân từng tí một để đến mất tù thì chịu cùng tội với ngục quan [4, tr.910-911]. Trong quản lý tù nhân, nếu thiếu trách

nhiệm trong công việc thì luận tội theo tội tù nhân: tù đáng giam không giam, đáng xiềng cùm thì không cùm, không đáng xiềng, giam cầm thì bắt. Trong việc hành hình các tù phạm, vua Minh Mệnh cho rằng: “Mạng người rất trọng, cần phải xem đi xét lại, cẩn thận rõ ràng. Từ nay viện Đô sát, theo lệ, tâu trình về việc giải các phạm nhân ra khỏi nhà giam, đem chém, ngày hành hình, nếu phạm nhân là quan chức, thì sai đường quan bộ Hình; phạm nhân là dân, thì sai viên thuộc bộ Hình, hoặc Kinh doãn, hay quân vệ Thân binh, Cẩm binh, hội đồng coi xét, đem theo biên binh, giải phạm nhân ra pháp trường; chém xong, làm tờ phiến tâu lên vua biết” [1, t.3, tr.479-480].

Mặt khác, để đảm bảo sự công bằng trong tố tụng, quan lại cần có sự công chính trong thi hành nhiệm vụ:

Không được nhận hối lộ. Trong khi đi truy bắt kẻ có tội mà nhận tiền của hoặc ngầm báo tin để họ trốn thoát, cố ý buông tha thì bị xử tội như tội nhân. Nếu nhận của cải có số lượng lớn thì kê khai những của cải đó và xử theo tội nhận của cải [4, tr.897-898]. Trong khi truy bắt, nhận hối lộ của người khác sai bảo giết chết tội nhân, thì chiếu theo luật mưu giết người, phân biệt chủ mưu và đồng lõa mà trị tội [4, tr.901]. Nếu nha dịch không do lệnh quan sai phái đi bắt hoặc tuy thừa lệnh mà mượn cớ làm việc công để ngược đãi đến nỗi người phạm tội chết thì xử theo luật người thường mưu cố sát [4, tr.902]. Trong lúc khám nghiệm tử thi, quan lại và người giúp việc nhận của cải để khám nghiệm không đúng sự thực, thì chiếu theo luật cố ý thêm bớt tội cho người mà luận tội [4, tr.964].

Không được vì tình riêng hay thù oán mà đối xử sai trái với người phạm tội. Trong quản lý ngục tù, nếu vì tình riêng mà nói bỏ

cùm xích hoặc mượn có tự ý bỏ chỗ canh gác hoặc thuê người canh giữ thay hoặc canh giữ sơ sài để tù nhân bỏ trốn thì chiếu theo điều có ý thả, chịu ngang tội với phạm nhân [4, tr.913]. Nếu vì thù riêng mà cố ý giam cầm người thường thì quan lại phạt 80 trượng, nếu người đó chết thì xử giao giam hậu. Quan đề lao, quan tư ngục, quan典 ngục tốt biết mà không tố thì xử cùng tội, bởi quan lại đã “lạm dụng việc giam cầm và khám xét” [4, tr.922]. Điều 10 chương *Đoán ngục* q.XX quy định: nếu quan hữu ty nghe có lệnh ân xá mà cố tình vì tình riêng, thù riêng hoặc theo sự nhờ vả của ai đó mà cố tình đem tù nhân sắp được tha ra xử quyết trước sẽ bị chiếu theo điều luật cố ý thêm tội cho người để luận tội và không được hưởng lệ xét tha [4, tr.975].

Tra xét văn án: trong quá trình xử án, quan lại còn có quyền và nghĩa vụ tra xét văn án, tâu bày về các việc hình án. Nhà vua quy định: “Các quan phủ huyện đến cuối tháng đều đem án nào thụ lý ngày nào và số người phạm hiện giam đã tra xét hay chưa, trong tháng ấy báo lên tỉnh. Lại đến 4 quý đem cả án xét trong quý là bao nhiêu, nói rõ nguyên uỷ tra xét, xét xử tội danh người phạm, làm thành danh sách do tỉnh xét lại, gián hoặc có xét trước chưa hợp, thượng ty bác trả về để xét lại, hoặc tình lý khó khăn, không thể xử xong như hạn được, theo lệ cho thêm hạn. Đối với tỉnh, khi xét án, Đốc phủ chiếu theo hạn hàng tháng sức cho Niết ty tra xét cho xong, nếu để chậm kéo dài cũng cứ thực hặc tâu lên. Tỉnh nào không đặt Đốc phủ, đợi khi án đệ lên, do bộ Hình xem xét” [1, t.5, tr.421-422]. Quy định trên cho thấy, các quan phủ huyện có nghĩa vụ kê cứu các án đã xử trình lên các quan tỉnh; các quan tỉnh là Án sát, Tổng đốc, Bố chính có quyền và nghĩa vụ tra xét

lại văn án trong thời hạn nhất định. Đồng thời, quy định trên đã đảm bảo sự giám sát chặt chẽ cũng như sự phối hợp của quan lại trong quá trình thực thi công việc và sự trung thành với nhà vua thông qua việc tâu bày về vụ án. Theo thống kê trong *Đại Nam thực lục*, trong các lần dâng sớ thỉnh an, có 20 lần quan cấp tỉnh đề cập đến vấn đề kiện tụng, xét xử ở địa phương mình, chiếm 11,11% các vấn đề được tâu trình [1].

3.2. Cơ chế đảm bảo thực hiện đạo đức công vụ của quan lại trong tố tụng

Một là, nhằm bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của đội ngũ quan lại trong lĩnh vực tố tụng, vua Minh Mệnh đã ban hành các quy định về thời hạn xét xử các vụ việc.

Về hạn xét hình án: Các án mạng, án cướp, án tranh địa giới cùng những tội trăm giảo³ hạn trong 3 tháng⁴; các việc kiện về hộ, hôn, điền, thổ, tài sản, đánh nhau hạn trong 2 tháng; các việc kiện vật như chửi mắng, công nợ, tranh nhau phần thịt, làm trái hạn trong 1 tháng. Với các vụ án ở huyện giải lên phủ, phủ xét hạn trong 20 ngày trình lên trấn, trấn xét trong 20 ngày giải lên thành, thành trong vòng 20 ngày phải duyệt xong [1, t.2, tr.550]. Đối với việc phân xử việc đề hư hỏng binh khí do nhà nước cấp trong hạn là 5 năm một lần tu bổ [1, t.2, tr.565]. Đối với các án tử hình, đến kỳ thu thẩm, các thành dinh trấn xét lục làm danh sách tâu lên trong vòng 6 tháng thì chuyển lên bộ, bộ thần xét hỏi hạn trong 8 tháng tâu lên giao cho đình thần xét lại, hạn trong 9 tháng đình thần dâng bản trình để vua xét định [1, t.2, tr.454].

Về thời hạn phúc thẩm lại các vụ án: Năm 1832, vua Minh Mệnh chuẩn định: bộ Hình lấy thượng tuần tháng 6 trở về trước

khẩn xét các án do các địa phương đưa đến, để tâu lên phước lại, sau khi được chỉ, chiếu theo đường sá ở các hạt xa hay gần, tính ngày lục phát đi cho đến cuối tháng 6. Các địa phương cứ căn cứ vào các án đã lục phát đến trước cuối tháng 6 những tù phạm này nên ghi xin xét lại thì biên ngay vào sổ và phát đệ sớm, hạn đến trước ngày 20 tháng 7 thì tới bộ, không được để chậm, quá hạn. Hoặc có án nào bắt đầu từ hạ tuần tháng 6 mới kết luận cho đến sau ngày mùng 1 tháng 7 mới lục phát đến thì cho để đến kỳ phước thẩm án về mùa năm sau rồi tư cho bộ giữ để lưu chiếu, bắt tất phải tiếp tục làm thành sổ sách nữa [1, t.3, tr.367].

Việc quy định hạn giải quyết các vụ việc và phước thẩm các vụ án là một trong những hình thức giám sát của nhà vua đối với quá trình thụ lý giải quyết vụ việc của quan lại. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để bản thân quan lại có thể nắm bắt được các vụ việc và đảm bảo tiến độ thực hiện công việc.

Hai là, nhà vua cho phép quan lại được quyền “hặc tấu” lẫn nhau với nguyên tắc “khi đã tham hặc thì cần suy nghĩ, vạch rõ sự thực không được nghe hơi bắt bóng... vì hiềm riêng mà cần bậy bới chuyện... việc nhỏ nhất không được vào kêu nhảm nhí” [1, t.3, tr.362]. Theo đó, những việc công của các phủ huyện như bắt lính, thu thuế, xử án, thì các viên phủ, huyện đều chia giao cho bọn lại dịch thừa hành, để cho có chuyên trách, nếu có tệ hại gì khác, thì lập tức phải tâu hặc, trị tội [1, t.4, tr.849]. Bên cạnh đó, để có thể giám sát quan lại, các vị vua đã thiết lập một cơ chế giám sát đa dạng: cơ quan giám sát chung (Đô sát viện), thực hiện chế độ Kinh lược đại sứ, giám sát bằng phiếu nghĩ, sớ thỉnh an và cho phép người dân đánh trống Đăng Văn để kêu oan.

Ba là, vua Nguyễn đã tiến hành “khảo hạch” quan chức nói chung và trong tổ tụng nói riêng. Thời hạn khảo khóa là ba năm 1 lần, các quan thượng ty xét hình án đem hết các án đã xét xử hoặc nhanh hoặc chậm xếp thứ tự để lên Bộ, án nào quan ngại thì do bộ xét lại, còn bao nhiêu, đưa cả sang bộ Lại để dựa vào đó mà xét về công tội [1, t.4, tr.506]. Quan phủ huyện ăn lương măn 3 năm mà việc ngục không làm lạm quyền thì quan được tâu xin gia cấp; nếu bị giáng chức thì cứ giáng 4 cấp thì được chiết giảm cho 1 cấp [2, t.3, tr.11]. Phàm các phủ huyện trong khoá không có án thì nơi rất nhiều việc đều gia 2 cấp kỷ, nơi nhiều việc gia 2 cấp kỷ, nơi nhiều việc vừa gia 1 cấp, kỷ lục 2 thứ, nơi ít việc gia 1 cấp. Chỉ có một, hai án, lại không can kêu về Kinh, kêu lên tỉnh và can việc kêu, nhưng xét ra không có tình khác thì nơi nhiều việc lắm gia 1 cấp, kỷ lục 2 thứ, nơi nhiều việc gia 1 cấp, nơi nhiều vừa gia kỷ lục 3 thứ, nơi ít việc 2 thứ. Các phủ huyện châu thổ hiện đặt quan Kinh, trong khoá không có án thì nơi nhiều việc lắm gia 1 cấp, kỷ lục 2 thứ, nơi nhiều việc gia 1 cấp, nơi nhiều việc vừa gia kỷ lục 3 thứ, nơi ít việc 2 thứ. Chỉ có 1, 2 án lại không can việc kêu thì nơi nhiều việc lắm gia 1 cấp, nơi nhiều việc gia kỷ lục 3 thứ, nhiều việc vừa 2 thứ, nơi ít việc 1 thứ, trong đó nơi nào chỉ có 1, 2 án mà toàn ở hạng giỏi, và giỏi kém ngang nhau, mới chiếu theo lệ ấy, giỏi không bù được kém và toàn ở hạng kém thì chiếu lệ đáng được thưởng, tới khi đó chước giảm [1, t.5, tr.347-348]. Như vậy, nếu quan lại thực hiện nhiệm vụ và tròn nghĩa vụ đặt ra thì quan lại sẽ nhận được đãi ngộ tương ứng của nhà nước.

Ngoài ra, nếu quan lại trong quá trình tham gia tổ tụng, nếu vi phạm thì sẽ bị áp

dụng những hình phạt nhất định như ngũ hình, phạt bổng hoặc cách chức. Những hình phạt này được quy định rõ trong *Hoàng Việt luật lệ*.

4. Một vài nhận xét

Thứ nhất, với quan điểm “hình pháp là để cầm người ác, răn người gian, vì dân trừ hại... có quan hệ trực tiếp đến sinh mạng con người” [2, t.3, tr.342-343], các vua Nguyễn nói chung và vua Minh Mệnh nói riêng luôn đề cao trách nhiệm và bổn phận của quan lại trong tổ tụng. Quan lại làm nhiệm vụ xét xử cần tuân theo những quy định, trình tự xét xử mà pháp luật đặt ra, tuân theo năm phép nghe⁵. Đồng thời, trong việc hình ngục, với quan điểm cần “tốc do phạt”⁶ và “bất lưu ngục”⁷, vua Minh Mệnh yêu cầu quan lại phải xét cho công minh và cẩn thận, không thiên vị [2, t.3, tr.358], nếu trái phép riêng tư, xử đoán không hợp thì sẽ bị bãi chức. Mặt khác, do áp dụng lệ Hôi ty trong tổ tụng và quy định quan lại không được phép lấy phụ nữ dân sở tại làm vợ đã đảm bảo khách quan trong quá trình tổ tụng. Đồng thời, việc đặt trao quyền cho Kinh lược đại sứ đi đến khắp nơi đã phần nào giải quyết được những án tồn đọng, phát hiện ra sai sót của quan lại địa phương và người dân được biện minh những “oan uổng”.

Theo quy định của pháp luật hiện hành, Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử đạo đức của Thẩm phán đã được ban hành năm 2018 đã quy định những chuẩn mực đạo đức của Thẩm phán trong quá trình thực thi công vụ. Đồng thời, theo điều 52 và 53 Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015, Thẩm phán dân sự có thể bị thay đổi nếu có quan hệ tình cảm,

thông gia, cộng tác... với đương sự. Đây được coi là một bước tiến trong lĩnh vực tổ tụng, đảm bảo chức trách và đạo đức nghề nghiệp của người cầm cân cân công lý. Tuy nhiên, trước sự chi phối của các mối quan hệ, sự cám dỗ của lợi ích, chế độ đãi ngộ chưa tương xứng và sự tu dưỡng rèn luyện đạo đức, nên nhiều Thẩm phán đã có những sai phạm trong quá trình thụ lý các vụ việc và xét xử. Đồng thời, khâu kiểm tra giám sát việc thực hiện bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử đạo đức của Thẩm phán chưa thực sự chặt chẽ nên đã gây ra một số hiện tượng vi phạm đạo đức nghề nghiệp. Do vậy, nên chăng, ôn cố tri tân, học tập phương thức Kinh lược sứ, lệ Hôi ty và phương thức giám sát thời phong kiến triều Nguyễn. Hôi ty trong tổ tụng hiện nay cần được quy định trong một văn bản thống nhất cho mọi hình thức tổ tụng và cần có những cơ chế đảm bảo cho quy định Hôi ty được thực hiện để đảm bảo khách quan trong quá trình xét xử, tránh hiện tượng tham nhũng. Quy định này càng đạt được hiệu quả khi có sự giám sát chặt chẽ từ cơ quan cấp trên cùng với mọi hình thức giám sát khác. Thời phong kiến triều Nguyễn đặt ra một cơ quan giám sát độc lập, đó là Đô sát viện. Do vậy, việc đặt một cơ quan giám sát độc lập là một việc làm cần thiết trong việc phát huy hiệu quả quản lý đội ngũ tham gia tổ tụng hiện nay.

Thứ hai, vua Minh Mệnh từng nêu rõ: “Chính thể lớn của Nhà nước là thưởng và phạt, thưởng đáng công, phạt đáng tội, thì người có công phần khởi, mà người có tội biết răn chừa” [1, t.5, tr.51]. Do vậy, nhà vua luôn nắm trong tay hai cán cân thưởng phạt để đảm bảo quan lại thực thi đúng bổn phận và trách nhiệm của mình. Cơ sở cho việc thưởng phạt này đó chính là khảo khóa.

Thời hạn 3 năm khảo khóa đối với việc hình án, cùng với việc phước thẩm các vụ án là cơ sở để nhà vua giám sát quan lại, đồng thời là cơ sở để tra xét các vụ án còn đọng lại.

Hiện nay, với những trường hợp vi phạm đạo đức nghề nghiệp, lãnh đạo Toà án nhân dân tối cao đã có những cơ chế xử lý nhất định, như: không được bình xét thi đua nếu do lỗi chủ quan của Thẩm phán để số lượng án bị huỷ quá 1,16% và án bị sửa quá 4,2% hay trong năm 2009, Chánh án Toà án nhân dân tối cao quyết định chưa tái bổ nhiệm cho 82 thẩm phán toà án nhân dân địa phương do trong nhiệm kì 5 năm Thẩm phán nào bị sửa, huỷ án quá tỷ lệ quy định hoặc cho bị cáo hưởng án treo không đúng gây dư luận không tốt ở địa phương thì Thẩm phán đó sẽ không được tái bổ nhiệm [5]. Tuy nhiên, việc đánh giá cán bộ, công chức hiện nay còn dựa trên tiêu chí chung chung, chưa có sự phân định rõ ràng về tính chất công việc giữa các ngành nghề. Do vậy, cần xây dựng một cơ chế đánh giá Thẩm phán và những người tham gia quá trình tố tụng rõ ràng, chặt chẽ và gắn liền với đặc thù công việc và đạo đức nghề nghiệp.

Thứ ba, bên cạnh những điểm tích cực, việc vi phạm đạo đức công vụ trong lĩnh vực tố tụng của quan lại dưới thời Minh Mệnh vẫn còn những tồn tại nhất định. Theo thống kê trong *Đại Nam thực lục*, thời Minh Mệnh từ năm 1820 đến năm 1840, có 120 trường hợp sai phạm trong tố tụng, trong đó có 19 trường hợp xét xử sai (chiếm 15,83%); 12 trường hợp sơ suất trong xét xử (chiếm 10%); 3 trường hợp lười không xét án (chiếm 2,5%); 11 trường hợp nhận tiền của khi xét (chiếm 9,17%); 9 trường hợp không xét ra án (chiếm 7,5%) và 66 trường hợp phạm các sai phạm khác (tự tiện định hình phạt, không quản lý ngục tù để tù

trốn, tra hỏi gây chết người) (chiếm 55%) [1]. Qua số liệu thống kê trên, tỷ lệ lười không tra án là thấp nhất, chứng tỏ nghĩa vụ tận tụy, chăm chỉ chính sự luôn được các quan lại chú tâm. Tuy nhiên, tỷ lệ tự tiện sử dụng hình phạt, quản lý ngục tù, tra hỏi án gây hậu quả chiếm số lượng lớn đã cho thấy việc lạm dụng hình phạt đối với quan xử án diễn ra quá nhiều. Đồng thời, qua ghi chép trong *Đại Nam thực lục*, có thể nhận thấy, số lượng hình án do các địa phương xét xử còn đọng lại nhiều như năm 1824, ở Bắc thành và Thanh Nghệ đọng lại 320 án, 840 người bị giam; năm 1826, các vụ án đương xét là 490 án, còn giam chờ xét là 930 người... [1, t2, tr.327, 510]. Có lẽ, do phải kiêm nhiệm nhiều việc và do sức ép về tiêu chí khảo xét nên đã tạo nên tâm lý nóng vội trong việc giải quyết án của các quan lại.

Bên cạnh đó, lương của quan lại thời kỳ này trong lĩnh vực tố tụng còn hạn chế, theo Emmanuel trong *Quan và Lại ở miền Bắc Việt Nam, một bộ máy hành chính trước thử thách* đã tính toán: một gia đình 4 người tiêu thụ tối thiểu bằng giá trị 1 kg gạo cho một người một ngày, tức là 1,5 tấn gạo một năm. Ví dụ, quan Hiệp trấn tỉnh Bình Định hàm Chánh tam phẩm hưởng lương mỗi năm tương đương với khoảng 7 - 8 tấn gạo có thể nuôi sống gia đình họ (4 người) trong khoảng 4 năm rưỡi đến 5 năm; quan tri huyện hàm tòng cửu phẩm nhận lương mỗi năm tương đương khoảng 1,3 tấn gạo có thể nuôi sống gia đình họ trong khoảng 9 tháng... Mặt khác, với quan điểm, “phủ, huyện ở gần nhân dân, chức nhỏ nhưng việc nhiều, ngoài bổng chính ra, cấp thêm tiền gạo dưỡng liêm để tỏ đặc cách” [1, t.4, tr.341-342], các quan ở địa phương với chức trách tố tụng được cấp thêm một phần dưỡng liêm theo sự phân hoá của địa phương cai trị

và tính chất công việc. Sự cấp lương không cao bằng bình quân đã thể hiện sự phân hoá trong công việc của triều đình Minh Mệnh. Tuy nhiên, mức đãi ngộ thấp khiến nó trở thành một trong những nguyên do dẫn đến sự tham nhũng nói chung và trong tổ tụng nói riêng.

5. Kết luận

Tóm lại, mặc dù không có sự phân định thành các ngành luật, các loại tổ tụng và quan lại từ trung ương đến địa phương hầu như đảm nhận các khâu trong quá trình tổ tụng nhưng những quy định trong chính sách, pháp luật của triều đình vua Minh Mệnh đã cho thấy mức độ quan tâm trong lĩnh vực này và đạo đức nghề nghiệp của bề tôi khi đảm nhận trọng trách xét xử. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, đội ngũ quan lại phải có trách nhiệm tương xứng với những đãi ngộ của triều đình và chấp nhận hình phạt khi có sai phạm. Những quy định và thực tiễn về đạo đức công vụ đối với quan lại trong xét xử thời vua Minh Mệnh đã để lại những bài học đáng quý trong việc xây dựng chính sách và kiện toàn pháp luật đối với lĩnh vực tổ tụng, đạo đức thẩm phán và cán bộ ngành toà án trong đãi ngộ, sự công tâm, thận trọng, không những lạm, nể nang trong quá trình thực thi công vụ.

Hiện nay, nhiều người cho rằng: “có làm việc hết công suất ngày đêm cũng chỉ giải quyết được 1/3 công việc” [5], sự gia tăng vụ việc tồn đọng, lương của thẩm phán quá thấp, chế độ không rõ ràng khiến nhiều thẩm phán phải xin nghỉ việc hoặc không giữ được phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. Do vậy, cùng với đề án cải cách tiền lương hiện nay, Nhà nước cần coi nghề thẩm phán

là nghề đặc biệt, có cơ chế đãi ngộ đối với đội ngũ thẩm phán nói riêng và cán bộ ngành toà án nói chung để họ có thể yên tâm và công tâm trong công việc. Đồng thời, cần hoàn thiện các quy định về thời gian giải quyết vụ việc cũng như chính sách đào tạo cán bộ ngành toà án và thẩm phán trong thời điểm hội nhập và xu hướng toàn cầu hoá hiện nay.

Chú thích

² Bài viết này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài của Trường Đại học Luật Hà Nội, “Đạo đức công vụ ở Việt Nam thời phong kiến triều Nguyễn (1802-1884) và những giá trị kế thừa” năm 2020.

³ Thất cổ.

⁴ Đầy đi nơi xa.

⁵ Năm phép nghe: tức ngũ thính, hình quan lấy năm cách xét là xét lời nói, nét mặt, hơi thở, tai và mắt.

⁶ Phạt thật nhanh chóng.

⁷ Bất lưu ngục: đừng xử ngục chậm.

Tài liệu tham khảo

- [1] Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, t.1, 2, 3, 4, 5, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Quốc sử quán triều Nguyễn (1994), *Minh Mệnh chính yếu*, t.3, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [3] Trường Đại học Luật Hà Nội (2012), *Giáo trình Lịch sử Nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
- [4] Viện Sử học, Cổ luật Việt Nam (2009), *Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [5] Phạm Minh Tuyên (2018), *Đạo đức nghề nghiệp của Thẩm phán: Cơ chế và vấn đề xử lý vi phạm liên quan đến Thẩm phán*, <https://bacninh.toaan.gov.vn/webcenter/portal/bacninh/chitiettin?dDocName=TAND048253>

